

Bản tin Phân tích kỹ thuật

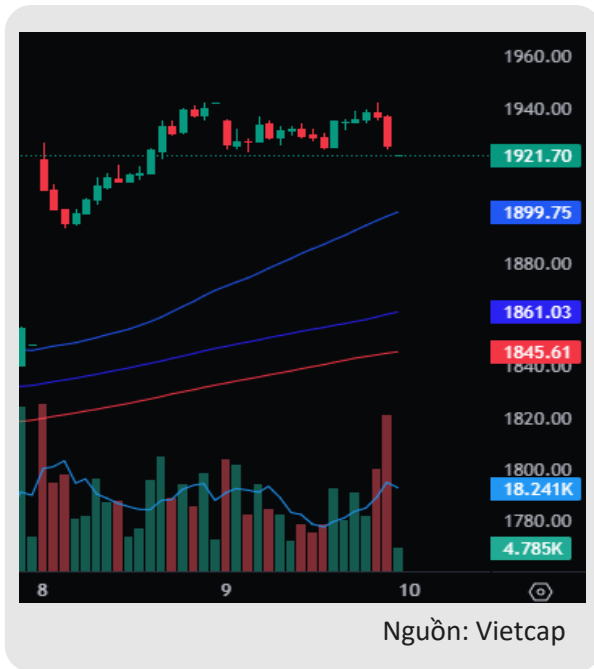
09/04/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G4000 vi phạm hỗ trợ trong phiên (1.923 điểm) và đường MA20, tạo quán tính giảm trong phiên 10/09. (M15)
- Khuyến nghị mở vị thế bán với mục tiêu quanh 1.912 điểm và dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa trên ngưỡng 1.930 điểm.

Chiến lược:

- Bán (S): 1.923 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.912 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.930 điểm

Quan điểm kỹ thuật



- Về hoạt động giao dịch, lực mua tại vùng giá cao không tiếp tục gia tăng trên các nhóm ngành dẫn dắt, tạo điều kiện cho áp lực bán hình thành và chiếm ưu thế về cuối phiên. Tuy nhiên, lực cung chưa ở mức đột biến. Trong khi đó, nhóm Công nghiệp và Bất động sản vẫn tiếp tục thu hút hoạt động mua diện rộng. Nhóm Vật liệu cũng ghi nhận lực cầu, dù mức độ lan tỏa còn thấp.
- Về mặt kỹ thuật, phiên điều chỉnh 09/04 chưa làm thay đổi cấu trúc tăng giá/hồi phục được thiết lập từ phiên 08/04 trên nhóm Ngân hàng, Bất động sản và Chứng khoán. Tỷ trọng cổ phiếu còn mang xu hướng giảm ở các nhóm này vẫn duy trì ở mức thấp, lần lượt là 0%, 18% và 8%.
- Diễn biến hiện tại cho thấy nhịp điều chỉnh vẫn mang tính kỹ thuật và chưa gây áp lực đáng kể lên các nhóm dẫn dắt. Do đó, biên độ giảm nhiều khả năng sẽ được giới hạn quanh vùng hỗ trợ 1.725 điểm. Các vị thế thăm dò tại nhóm Ngân hàng, Chứng khoán và Bất động sản chỉ nên gia tăng tỷ trọng khi VN-Index vượt 1.753 điểm.
- Ngoài ra, nhóm Xây dựng (CTD, PC1, VCG, VGC) và Viễn thông (VGI, FOX) cũng đang hình thành tín hiệu tăng giá cho các phiên tới.

Cổ phiếu khuyến nghị theo PTKT



CTD

- CTD duy trì dao động trên hỗ trợ quanh 78.000. Hai phiên tăng giá gần đây giúp cổ phiếu vượt đường MA20, xác nhận sự lấn át từ đà tăng.
- Khuyến nghị mở vị thế mua ngắn hạn trên CTD với mục tiêu là vùng 92.000. Dừng lỗ khi xuất hiện giá đóng cửa dưới ngưỡng 79.000.

Giá mua	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ
81.700-82.900	92.000	79.000

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	149,200	-2.74%	6.65%	1,149,740	-7.076	1,468	7.8	101.6	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VPL	80,000	-5.88%	-4.65%	143,464	-1.897	615	3.9	130.1	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	59,400	-1.33%	2.06%	496,327	-1.483	4,210	2.2	14.1	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	40,600	-2.05%	2.27%	295,571	-1.362	4,264	1.8	9.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VHM	122,000	-0.81%	3.48%	501,104	-0.916	10,200	2.1	12.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPB	27,100	-1.81%	3.24%	215,009	-0.876	3,024	1.3	9.0	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	35,000	-1.41%	2.04%	271,843	-0.861	4,455	1.5	7.9	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
GAS	78,400	-1.88%	-0.38%	189,175	-0.798	4,730	2.9	16.6	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
BSR	25,000	-2.72%	-3.47%	125,182	-0.766	1,041	2.1	24.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BVH	79,800	-4.43%	-3.27%	59,237	-0.590	3,821	2.4	20.9	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NVL	16,700	6.03%	20.14%	37,316	0.506	884	0.8	18.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VJC	166,000	-2.06%	0.30%	98,207	-0.456	3,728	4.0	44.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
HPG	28,250	0.89%	3.29%	216,832	0.435	2,013	1.7	14.0	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
GEE	195,500	-2.59%	-6.14%	71,553	-0.417	8,918	8.9	21.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MWG	80,700	-1.47%	-1.34%	118,502	-0.390	4,775	3.6	16.9	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSF	81,500	-2.28%	-0.97%	73,333	-1.026	17,930	4.3	4.6	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Tích cực
HUT	17,300	2.98%	3.59%	18,481	0.338	514	1.7	33.6	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	18,000	-3.23%	5.26%	16,190	-0.321	1,500	1.3	12.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
MBS	21,000	-1.87%	3.96%	21,020	-0.241	1,859	2.6	11.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVS	37,500	-1.83%	-6.72%	19,178	-0.216	3,616	1.3	10.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSV	156,100	-1.08%	0.00%	31,220	-0.207	9,851	6.1	15.9	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PTI	27,600	-7.38%	-8.00%	3,328	-0.151	2,417	1.3	11.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVI	77,500	-1.27%	-4.56%	18,154	-0.142	4,709	2.2	16.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
DTK	11,500	2.68%	2.68%	7,852	0.129	959	0.9	12.0	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
HHC	121,800	-9.98%	-27.07%	2,001	-0.123	2,880	3.0	42.3	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực

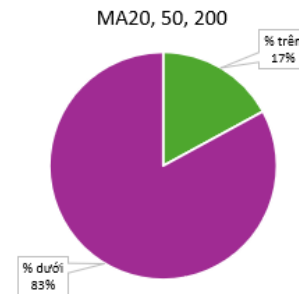
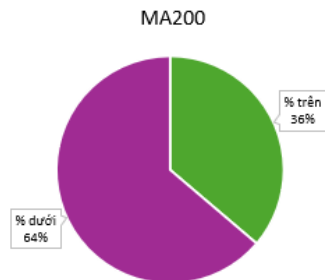
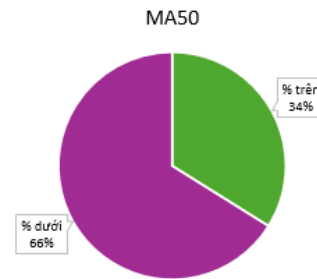
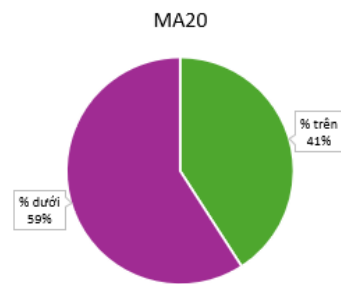
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	91,900	-2.44%	-1.50%	279,644	-0.092	3,056	6.8	30.1	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Trung tính
MSR	45,400	-3.81%	-5.02%	50,458	-0.026	10	4.1	4,466.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
FOX	82,000	-2.96%	-3.07%	60,648	-0.024	4,627	5.6	17.7	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
ACV	46,500	-0.85%	0.22%	165,586	-0.019	3,019	2.4	15.3	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
SSH	80,000	-3.61%	6.52%	30,000	-0.015	-1,065	5.4	-75.1	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDP	265,000	6.00%	0.19%	16,378	0.013	2,836	5.0	93.4	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CC1	35,000	-5.41%	-2.78%	13,967	-0.010	588	3.2	59.7	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Trung tính
SJG	22,000	7.32%	7.32%	9,515	0.009	3,774	1.3	5.6	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MVN	52,500	0.96%	2.14%	62,877	0.008	1,622	4.5	32.3	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VBB	12,100	3.42%	4.31%	13,126	0.006	1,457	1.1	8.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DXP	14,500	4.3%	16.8	9.9	7,501	13,900	0.9	7.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
QCG	14,400	6.7%	23.7	5.3	8,650	18,800	0.9	23.1	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
EVG	7,070	7.0%	20.0	4.8	4,860	11,750	0.7	19.6	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
HHV	12,900	5.3%	340.7	82.6	9,299	16,355	1.1	10.8	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
KSB	16,450	2.2%	68.7	25.0	13,950	22,250	0.7	12.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LCG	10,350	3.9%	60.2	25.0	7,467	12,851	0.8	14.2	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
IJC	10,700	4.9%	83.7	27.9	8,674	14,200	0.8	7.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			09/04/2026	08/04/2026	07/04/2026	06/04/2026	03/04/2026	02/04/2026	01/04/2026	31/03/2026
VNINDEX	MA200	Trên	32%	33%	27%	26%	29%	31%	31%	30%
		Dưới	68%	67%	73%	74%	71%	69%	69%	70%
	MA50	Trên	36%	34%	20%	19%	23%	26%	28%	27%
		Dưới	64%	66%	80%	81%	77%	74%	72%	73%
	MA20	Trên	57%	59%	30%	30%	40%	47%	53%	44%
		Dưới	43%	41%	70%	70%	60%	53%	47%	56%
VN30	MA200	Trên	43%	50%	30%	33%	33%	33%	43%	37%
		Dưới	57%	50%	70%	67%	67%	67%	57%	63%
	MA50	Trên	43%	43%	7%	7%	7%	10%	23%	0%
		Dưới	57%	57%	93%	93%	93%	90%	77%	100%
	MA20	Trên	87%	90%	33%	30%	47%	57%	67%	50%
		Dưới	13%	10%	67%	70%	53%	43%	33%	50%
HNX	MA200	Trên	38%	38%	35%	36%	38%	39%	40%	42%
		Dưới	62%	62%	65%	64%	62%	61%	60%	58%
	MA50	Trên	38%	40%	35%	32%	34%	35%	36%	36%
		Dưới	62%	60%	65%	68%	66%	65%	64%	64%
	MA20	Trên	38%	38%	35%	36%	38%	39%	40%	42%
		Dưới	62%	62%	65%	64%	62%	61%	60%	58%
UPCOM	MA200	Trên	33%	35%	30%	32%	34%	34%	36%	34%
		Dưới	67%	65%	70%	68%	66%	66%	64%	66%
	MA50	Trên	32%	32%	31%	32%	33%	34%	33%	33%
		Dưới	68%	68%	69%	68%	67%	66%	67%	67%
	MA20	Trên	37%	38%	37%	38%	37%	38%	39%	39%
		Dưới	63%	62%	63%	62%	63%	62%	61%	61%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 17		Tháng 4										Tháng 3									
		09 +	08	07	06	03	02	01	31	30	27	26	25	24	23	20	19	18	17	16	13
1	Y tế	67	69	72	64	67	70	69	67	69	66	65	66	65	64	65	66	62	63	60	60
2	Bất động sản	62	57	47	48	51	53	50	47	48	39	37	34	28	27	31	31	32	32	30	28
3	Bán lẻ	62	55	47	48	50	53	57	54	53	53	50	45	40	39	43	44	44	44	48	50
4	Xây dựng và Vật liệu	59	52	43	45	48	52	54	52	50	49	47	42	37	38	42	39	40	42	45	41
5	Ngân hàng	57	50	36	36	35	39	41	37	35	32	32	31	26	28	33	36	37	35	34	35
6	Tài nguyên Cơ bản	57	52	45	45	47	48	48	50	50	46	46	45	45	48	50	51	49	50	51	55
7	Dịch vụ tài chính	56	49	37	34	41	44	39	34	34	34	32	28	27	29	30	33	36	36	36	39
8	Bảo hiểm	55	55	51	58	63	61	59	57	57	51	52	48	41	35	34	31	32	31	30	31
9	Thực phẩm và đồ uống...	54	50	40	40	36	39	38	38	37	34	33	31	30	30	34	36	38	38	38	38
10	Điện, nước & xăng d...	53	54	49	51	52	55	58	59	61	66	67	65	61	62	64	63	62	62	63	64
11	Hàng & Dịch vụ Côn...	53	50	45	40	42	44	45	43	41	44	43	39	36	39	44	47	46	45	47	52
12	Ô tô và phụ tùng	51	49	45	47	51	50	49	50	50	46	44	39	34	33	33	37	40	43	43	42
13	Hàng cá nhân & Gia ...	51	42	34	34	37	39	41	43	44	45	43	41	39	43	48	51	53	52	52	58
14	Du lịch và Giải trí	47	46	39	38	40	41	38	34	33	31	25	20	18	19	21	21	20	21	25	25
15	Hóa chất	42	38	34	37	40	39	38	38	40	43	39	37	37	42	48	54	52	55	60	67
16	Dầu khí	39	40	38	41	43	44	46	48	49	53	53	52	50	54	60	66	61	63	67	75
17	Công nghệ Thông tin	30	21	15	16	17	18	15	14	16	13	13	12	10	10	11	11	12	12	10	10

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	149,200	-2.7%	6.6%	1,149,740	7.8	101.6	1,468	399.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VHM	122,000	-0.8%	3.5%	501,104	2.1	12.0	10,200	645.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HPG	28,250	0.9%	3.3%	216,832	1.7	14.0	2,013	1,453.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
LPB	48,000	1.1%	14.8%	143,390	3.0	12.6	3,824	79.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
STB	66,300	0.5%	8.5%	124,990	2.1	21.1	3,150	776.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VCK	37,300	-1.6%	1.4%	90,823	3.2	23.1	1,613	219.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEE	195,500	-2.6%	-6.1%	71,553	8.9	21.9	8,918	100.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NVL	16,700	6.0%	20.1%	37,316	0.8	18.9	884	1,363.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KBC	33,900	1.3%	5.4%	31,925	1.3	13.8	2,450	159.3	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HCM	25,200	-0.8%	6.8%	27,215	1.9	17.3	1,454	295.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
IDC	48,700	0.2%	1.5%	18,482	2.9	9.6	5,090	61.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
HUT	17,300	3.0%	3.6%	18,481	1.7	33.6	514	122.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SIP	61,400	0.2%	0.8%	14,866	2.9	11.2	5,464	21.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VSC	24,900	-2.0%	2.5%	9,322	1.7	27.2	915	148.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
PHR	63,500	0.8%	0.8%	8,604	2.1	18.0	3,529	21.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
ORS	13,650	-1.1%	-0.4%	8,517	1.1	38.8	352	31.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
TOS	173,700	0.3%	2.3%	7,774	3.8	7.6	22,710	11.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HNG	6,400	0.0%	3.2%	7,100	6.8	-7.2	-890	18.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
PAN	32,300	1.3%	2.1%	6,747	1.3	10.0	3,220	51.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PET	49,550	0.0%	2.2%	5,288	2.2	20.5	2,419	23.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
BMI	15,700	-0.9%	-10.0%	2,364	0.8	9.2	1,708	9.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVP	14,400	-2.7%	-3.4%	1,493	0.8	7.5	1,914	5.6	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
DCL	45,000	-3.4%	-26.1%	3,287	2.2	168.4	267	70.4	Tiêu cực	-6.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VPL	80,000	-5.9%	-4.6%	143,464	3.9	130.1	615	55.8	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VPX	28,650	-1.7%	-0.2%	53,719	1.6	12.5	2,298	25.9	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLX	39,500	-2.5%	-2.2%	50,188	1.9	18.8	2,106	118.6	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
SBT	21,800	-0.7%	-0.9%	18,641	1.7	24.9	876	9.4	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LAS	16,800	0.6%	-1.2%	1,896	1.3	11.5	1,455	8.1	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VFS	13,100	-1.5%	-5.1%	1,834	1.1	12.3	1,064	17.1	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MCH	140,400	-0.6%	-0.4%	181,742	10.1	25.5	5,515	52.4	Tiêu cực	-4.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FRT	150,000	-2.0%	-2.6%	25,545	6.1	32.1	4,667	33.9	Tiêu cực	-4.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	37,500	-1.8%	-6.7%	19,178	1.3	10.4	3,616	142.2	Tiêu cực	-4.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPI	56,900	-1.9%	-2.2%	18,211	3.5	46.6	1,221	45.8	Tiêu cực	-4.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
OIL	14,200	-1.4%	-6.0%	14,683	1.4	33.8	420	33.3	Tiêu cực	-4.5	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
GEG	15,250	-2.2%	-6.4%	5,464	1.2	9.1	1,678	16.5	Tiêu cực	-4.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	53,100	-4.7%	-1.7%	20,166	1.3	6.7	7,965	373.4	Tiêu cực	-3.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
TCM	22,650	-0.9%	-0.7%	2,538	1.0	9.4	2,402	17.4	Tiêu cực	-3.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
TIG	6,900	-1.4%	0.0%	1,336	0.7	18.0	384	6.5	Tiêu cực	-3.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
GAS	78,400	-1.9%	-0.4%	189,175	2.9	16.6	4,730	82.8	Trung tính	-2.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
F88	130,100	-1.8%	-2.9%	14,404	5.9	20.0	6,543	6.4	Trung tính	-2.5	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	13,800	0.73%	-1.08%	25,500	84.8%	357	1.1	38.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	53,100	-4.67%	-1.67%	91,200	71.8%	7,965	1.3	6.7	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
KDH	26,200	0.19%	0.19%	43,700	66.8%	936	1.6	28.0	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	29,400	0.17%	-0.34%	45,800	55.8%	1,805	1.1	16.3	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	37,500	-1.83%	-6.72%	58,100	54.9%	3,616	1.3	10.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	78,300	-1.01%	4.82%	116,600	48.9%	5,515	3.7	14.2	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	28,750	0.35%	0.35%	42,400	47.5%	1,916	1.6	15.0	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	15,700	-0.95%	-10.03%	23,100	47.1%	1,708	0.8	9.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVT	21,700	-1.36%	0.70%	30,800	41.9%	2,208	1.2	9.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
SSI	28,750	-2.21%	4.36%	40,800	41.9%	1,964	2.2	14.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
VPB	27,100	-1.81%	3.24%	38,000	40.2%	3,024	1.3	9.0	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	46,000	0.22%	1.21%	64,100	39.3%	3,130	2.4	14.7	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PLC	23,400	1.74%	1.74%	31,900	36.3%	334	1.5	70.1	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
BWE	43,100	0.12%	0.23%	58,700	36.2%	4,506	1.6	9.6	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
TCB	30,900	0.65%	1.81%	41,500	34.3%	3,577	1.3	8.6	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
ACB	23,850	-1.04%	1.06%	32,000	34.2%	3,042	1.3	7.8	Trung tính	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACG	34,350	1.03%	-1.29%	45,800	33.3%	3,342	1.2	10.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	26,500	-0.38%	0.76%	35,000	32.1%	3,325	1.6	8.0	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SAB	45,100	-0.66%	2.04%	59,000	30.8%	3,449	2.7	13.1	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
MSN	78,000	0.39%	2.50%	101,200	29.7%	2,710	3.2	28.8	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn